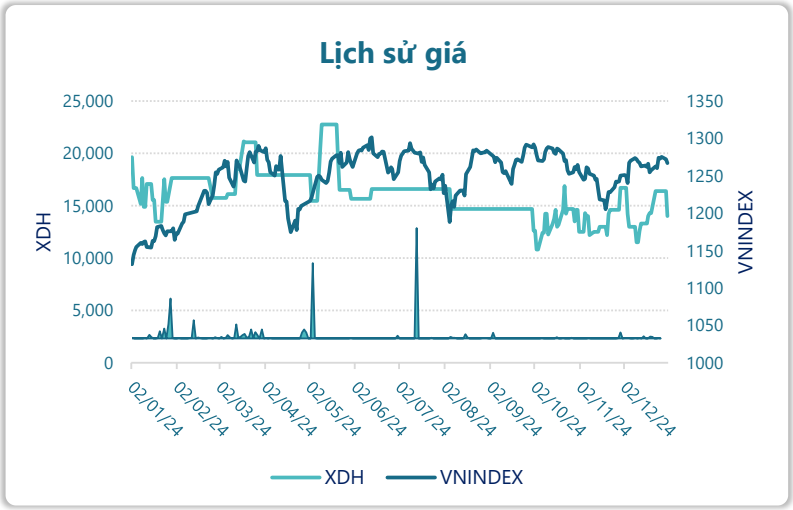
FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội (UPCOM: XDH)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,761
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,812
SL cổ phiếu LH	27,026,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,302
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	378
P/E	18.2
EPS	769

DT thuần

Q4/24

54.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 34.0| 168%

YoY: ▼91.8| -62.9%

LN sau thuế

Q4/24

10.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.60| 178%

YoY: ▲ 1.40| 15.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

16.8%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2024

156

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.0| -9.1%

LN sau thuế

2024

20.8

tỷ VNĐ

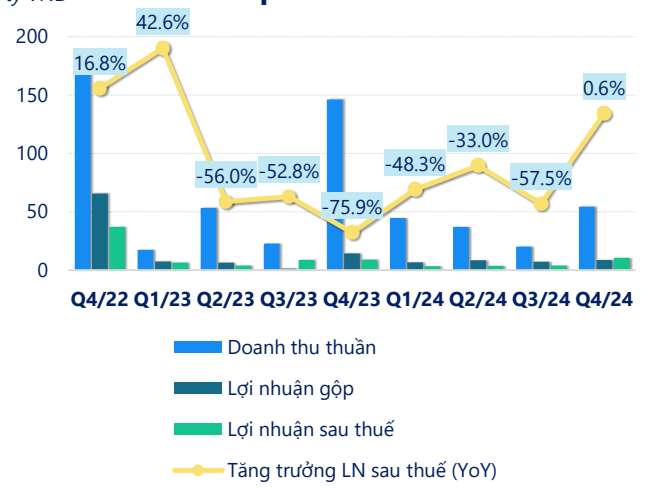
YoY: ▼0.70| -3.3%

ROE

2024

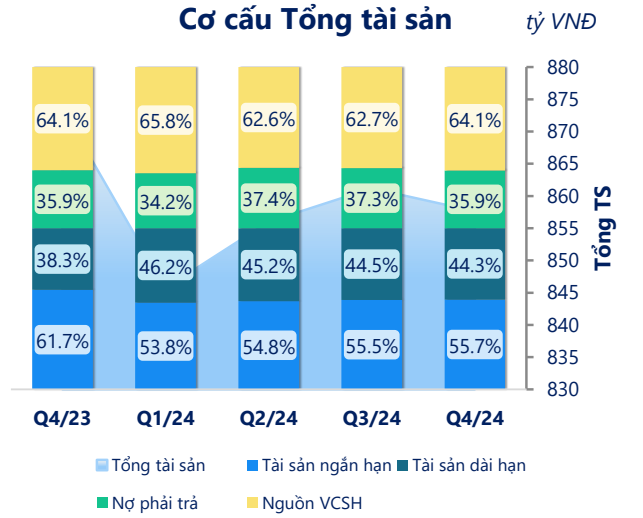
3.8%

Kết quả kinh doanh



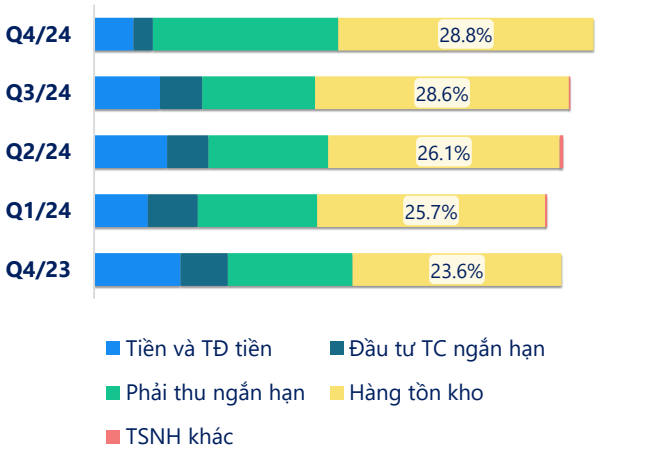
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



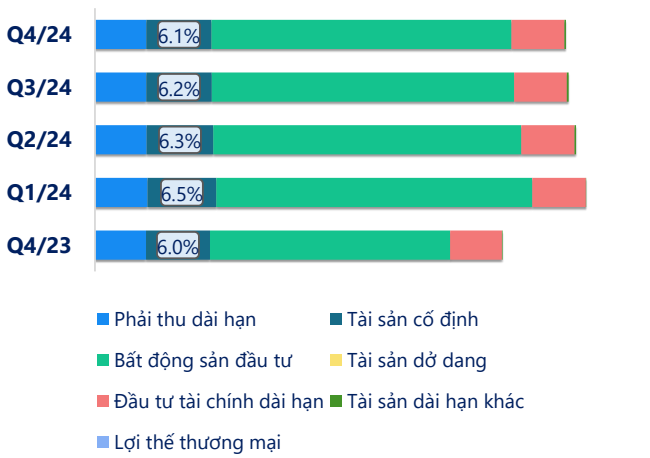
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



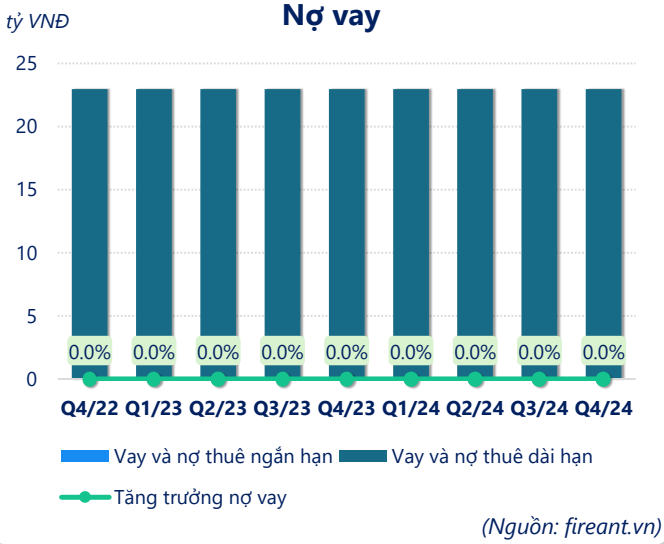
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



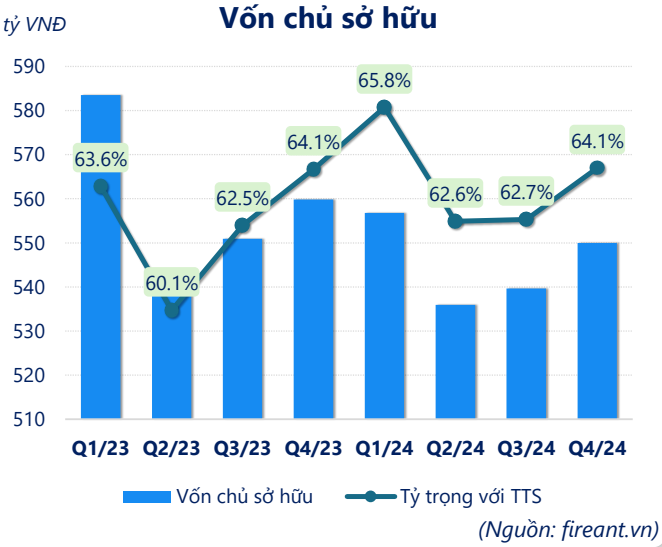
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



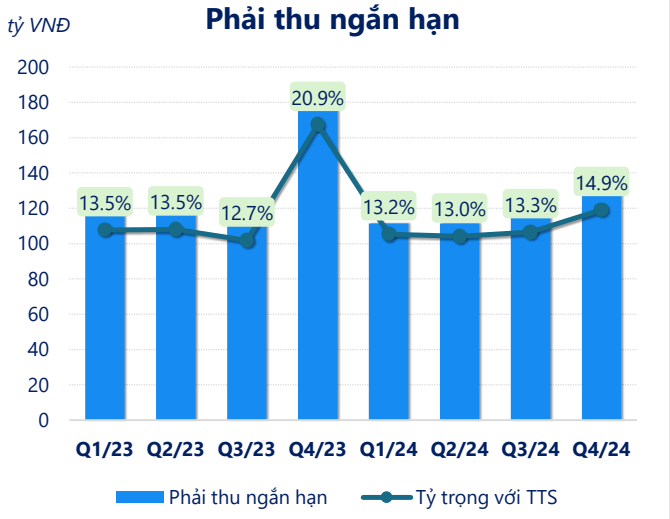
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



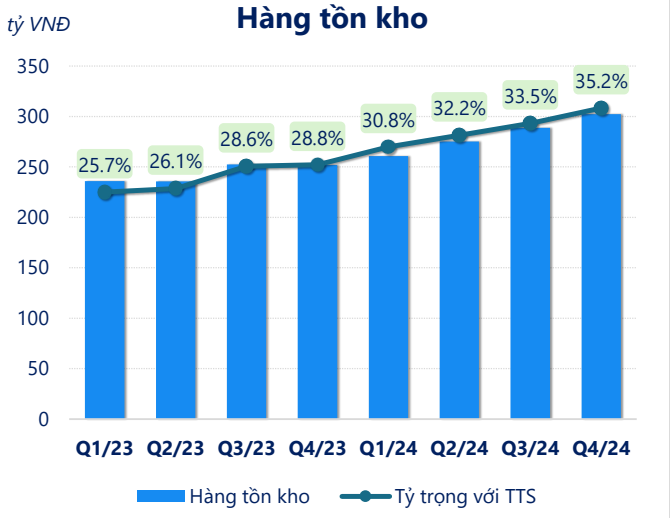
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



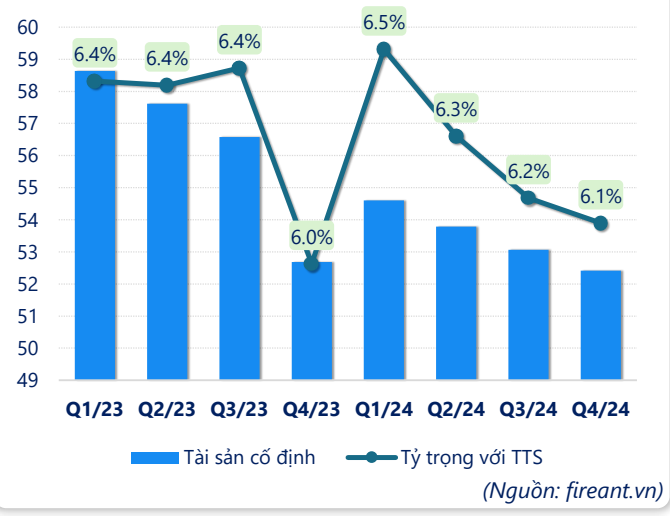
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



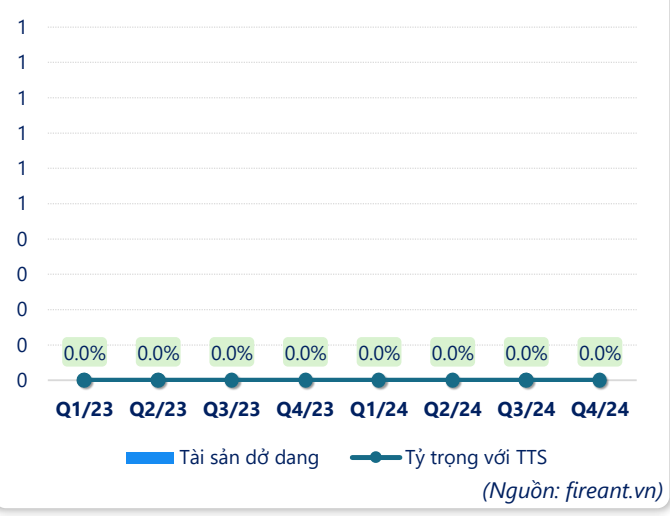
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



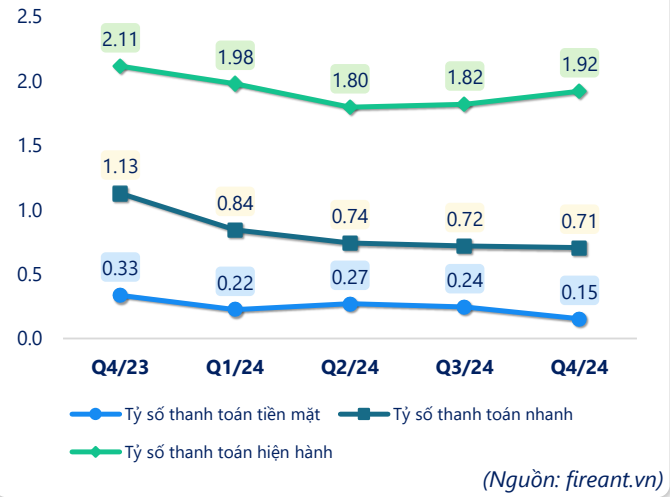
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



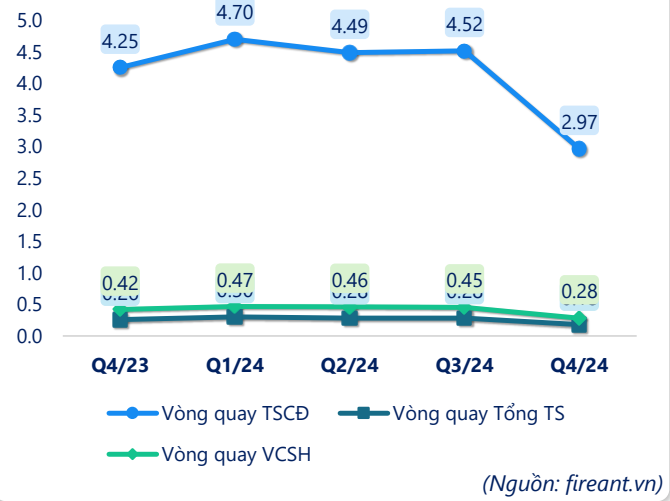
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**873**	**846**	**856**	**861**	**858**
Tài sản ngắn hạn	**539**	**455**	**469**	**478**	**478**
Tiền và tương đương tiền	85.3	51.4	70.5	64.1	38.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.0	19.0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	183	111	111	115	128
Hàng tồn kho	252	261	275	289	302
Tài sản ngắn hạn khác	0	12.4	11.5	10.1	9.75
Tài sản dài hạn	**335**	**391**	**387**	**384**	**380**
Phải thu dài hạn	41.8	41.8	41.5	41.5	41.5
Tài sản cố định	52.7	54.6	53.8	53.1	52.4
Bất động sản đầu tư	197	251	248	245	242
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	42.6	42.6	42.7	42.7	42.7
Tài sản dài hạn khác	0.37	0.37	1.38	1.38	1.17
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**314**	**289**	**320**	**322**	**308**
Nợ ngắn hạn	**255**	**230**	**261**	**263**	**249**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	52.0	45.0	45.3	49.2	56.7
Nợ dài hạn	58.8	58.9	59.1	58.7	58.8
Vay và nợ thuê dài hạn	23.0	23.0	23.0	23.0	23.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**560**	**557**	**536**	**540**	**550**
Vốn chủ sở hữu	**560**	**557**	**536**	**540**	**550**
Vốn điều lệ	270	270	270	270	270
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)